

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày 15-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Hữu Lệ và ông Vũ Đăng Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 636/2020/TB-TA ngày 24/11/2020; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 639/2020/TB-TA ngày 27/11/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 09/12/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 tại thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12 (không biết chữ); dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; Có vợ là Đoàn Thị N và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 30 ngày 24/6/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt Nguyễn Văn C 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân (Tài sản trộm cắp là 30.473.000 đồng, khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 01 tháng 07 ngày), bị cáo kháng cáo; Bản án số 1711 ngày 23/10/1997 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội - Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận đơn kháng cáo, xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và án phí năm 1999.

- Ngày 06/9/2000, Công an huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 29/8/2001, Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục trong thời hạn 24 tháng. Bị cáo chấp hành xong ngày 09/01/2004.

- Ngày 27/12/2004, Công an huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong ngày 29/12/2004.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người đại diện của bị cáo đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Người bào chữa: Ông Vũ Xuân B - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: đường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người phiên dịch: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thị C1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/6/2020, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô BKS 89G1-039.xx từ nhà đến xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương chơi. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi đang đi trên đường thôn C, xã T, C phát hiện thấy bà Lê Thị C1 đang điều khiển xe mô tô BKS 11F6-13xx đi phía trước cùng chiều, trên xe có treo 01 túi xách màu hồng, nhãn hiệu "Ada.G sihce 1950" kích thước (28 x 20 x 10)cm tại vị trí móc treo bên trái thân xe. Do C biết phụ nữ thường hay để tiền hoặc tài sản trong túi xách nên nảy sinh ý định giật chiếc túi của bà C1. C tiếp tục đi theo phía sau bà C1 đến đoạn đường vắng người thì tăng ga vượt lên áp sát phía bên trái, dùng tay phải giật túi xách của bà C1 (bên trong có 817.000 đồng, 02 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thị C1 và Nguyễn Đình Đ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 11F6-13xx mang tên Mông Thị H) để lên bụng xe mô tô của mình rồi phóng xe bỏ chạy. Bà C1 đuổi theo đồng thời tri hô "Cướp, cướp". Lúc này anh Trần Văn T và anh Phạm Văn N đang điều khiển xe mô tô đi ở gần đó thấy bà C1

hồ hoán liền đuổi theo. C điều khiển xe mô tô bỏ chạy đến đoạn đường đất thuộc cánh đồng thôn C, xã T thì anh T, anh N, bà C1 cùng quần chúng nhân dân đuổi kịp, bắt giữ đưa về UBND xã T, đồng thời UBND xã đã báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang đến giải quyết. Cơ quan điều tra đã quản lý 01 túi xách màu hồng bên trong có 817.000 đồng, 02 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của bà C1; xe mô tô BKS 89G1-039.xx và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đỏ của C.

Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 29/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Bình Giang kết luận: Chiếc túi xách của bà C1 giá trị: 0 đồng (Không đồng).

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 19-10-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Do bị cáo bị câm, điếc bẩm sinh, không biết chữ nên thông qua người đại diện và người phiên dịch, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã nêu tại phiên tòa là có căn cứ.

- Người bào chữa cho bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội; nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ mà vị đại diện Viện kiểm sát đề xuất; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhược điểm về thể chất nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: nhất trí với đề xuất của người bào chữa cho bị cáo; xác định xe mô tô bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản riêng của chị, do chị lao động, tích cóp tiền để mua, chiếc xe là phương tiện duy nhất để chị đi làm thuê, nuôi cả gia đình nên đề nghị HĐXX xem xét cho chị được nhận lại.

- Đại diện VKSND huyện Bình Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s, q khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 89G1-039.xx; trả lại chị Đoàn Thị N $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô trên và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thành Đ.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 24/6/2020, tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn C có hành vi điều khiển xe mô tô BKS 89G1-039.xx đi từ phía sau vượt lên áp sát xe mô tô BKS 11F6-13xx do bà Lê Thị C1 đang điều khiển phía trước cùng chiều rồi dùng tay giật túi xách giả da màu hồng, bên trong có 817.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân đang treo ở móc bên trái thân xe của bà C1, bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã nhanh chóng tiếp cận, công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của họ và nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự. Bị cáo dùng xe mô tô là phương tiện nguy hiểm để giật túi xách của bà C1 khi bà C1 đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường nên VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo với tình tiết định khung tăng nặng “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo bị cảm, diếc bẩm sinh, không được đi học, không biết chữ nên khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả của hành vi do mình thực hiện bị

hạn chế, do vậy Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị khuyết tật bẩm sinh, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hỏi, trả lại người bị hại các tài sản do bị cáo chiếm đoạt, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác nên trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 túi xách màu hồng nhãn hiệu "Ada.G since 1950", 02 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 11F6-13xx và số tiền 817.000 đồng, ngày 04/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại người bị hại là bà Lê Thị C1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đỏ, quá trình điều tra xác định là tài sản riêng của chị Đoàn Thị N (vợ của bị cáo), bị cáo không dùng vào việc phạm tội, ngày 01/9/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, Biển kiểm soát 89G1-039.xx và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thành Đ, đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bị cáo và chị N, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đề nghị tịch thu phát mai sung vào ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe, trả lại chị Đoàn Thị N $\frac{1}{2}$ giá trị xe là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: nguồn tiền dùng để mua xe là tiền do chị N lao động mà có; bị cáo bị khuyết tật bẩm sinh không có khả năng lao động tạo ra thu nhập; hoàn cảnh kinh tế khó khăn; đây là phương tiện duy nhất chị N dùng để đi làm thuê nuôi cả gia đình; chị N không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho chị N xe mô tô trên và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thành Đ là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[9] Về án phí: Do bị cáo là người khuyết tật nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s, q khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 39 (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại chị Đoàn Thị N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn Q, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 89G1-039.xx và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thành Đ (*Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 17/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang*).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- CQ CSĐT – CA huyện Bình Giang;
- CCTHADS huyện Bình Giang;
- CQ THAHS huyện Bình Giang;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp; người bào chữa cho bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Nam